

TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 208/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 11 - 2019

“Về việc ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Bùi Hữu Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019. Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1970 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ Điền, xã Đông Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2019 và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:*

Về hôn nhân: Chị O và anh L chung sống với nhau năm 1988 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là sống nhưng hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, từ đó chị O và anh L ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị O yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị O trình bày vợ chồng chung sống có 04 con chung tên là Lê Văn Vẹn, sinh năm 1989; Lê Thị Muội, sinh năm 1991; Lê Thị Trinh, sinh năm 1994 và Lê Văn Thạch, sinh năm 1996, hiện 04 con đã trưởng thành nếu theo ai thì người đó nuôi không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Chị O trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị O trình bày vợ chồng không nợ chung nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với anh Lê Văn L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh L biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2019 nhưng anh L không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ anh L để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh L không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị O. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Lê Văn L có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị O khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn L nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh L cha mẹ tổ chức đám cưới năm 1996 không đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị O và anh L không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị O và anh L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị O và anh L thống nhất vợ chồng có 04 con chung tên là Lê Văn Vẹn, sinh năm 1989; Lê Thị Muội, sinh năm 1991; Lê Thị Trinh, sinh năm 1994 và Lê Văn Thạch, sinh năm 1996, hiện 04 con đã trưởng thành nếu theo ai thì người đó nuôi không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị O và anh L thống nhất có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị O và anh L thống nhất vợ chồng không có không nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 243, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị O và anh Lê Văn L là vợ chồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), chị O có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004391 ngày 13/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Đông Thới;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính